

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngày 18 tháng 01 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.122.916.494.765	1.501.889.333.246
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		71.264.154.681	34.097.098.070
1. Tiền	111	5	71.264.154.681	34.097.098.070
II. Các khoản phải thu	130		601.219.845.770	482.229.443.107
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	545.586.512.299	373.386.814.444
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	39.491.229.064	89.341.664.729
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		284.750.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	42.157.845.101	39.471.224.934
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.300.490.694)	(19.970.261.000)
III. Hàng tồn kho	140	8	1.313.695.298.560	883.035.305.390
1. Hàng tồn kho	141		1.320.935.879.483	886.673.509.964
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.240.580.923)	(3.638.204.574)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		136.737.195.754	102.527.486.679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	8.537.759.431	3.305.844.300
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		127.751.821.223	98.932.997.720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		447.615.100	288.644.659

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.921.839.200	92.059.588.112
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.119.781.706	2.339.780.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	4.119.781.706	2.339.780.000
II. Tài sản cố định	220		84.394.526.210	83.693.439.035
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	22.704.077.146	26.511.400.738
<i>Nguyên giá</i>	222		51.840.095.083	51.241.893.495
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.136.017.937)	(24.730.492.757)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	61.690.449.064	57.182.038.297
<i>Nguyên giá</i>	228		63.948.914.300	59.040.982.898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.258.465.236)	(1.858.944.601)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.553.250.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	3.553.250.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.854.281.284	6.026.369.077
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	876.285.342	504.409.348
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.088.116.185	56.800.000
3. Lợi thế thương mại	269	13	4.889.879.757	5.465.159.729
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.221.838.333.965	1.593.948.921.358

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.455.680.064.600	904.491.363.006
I. Nợ ngắn hạn	310		1.450.729.353.648	901.890.920.044
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	547.269.188.518	229.458.672.364
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	12.729.306.825	2.782.186.568
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	11.724.938.204	7.519.696.087
4. Phải trả người lao động	314		21.416.175.210	18.656.196.853
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	14.209.970.656	7.349.130.639
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	284.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.495.639.465	14.896.590.517
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	836.884.134.770	620.944.447.016
II. Nợ dài hạn	320		4.950.710.952	2.600.442.962
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	4.950.710.952	2.600.442.962
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		766.158.269.365	689.457.558.352
I. Vốn chủ sở hữu	410		766.158.269.365	689.457.558.352
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19.1	407.517.470.000	407.517.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		407.517.470.000	407.517.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61.233.761.416	61.233.761.416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400.000.000	400.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.1	302.320.878.081	224.222.224.212
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		191.742.001.812	149.002.729.696
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		110.578.876.269	75.219.494.516
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		959.097.034	2.357.039.890
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.221.838.333.965	1.593.948.921.358



T.P. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Huỳnh Tuấn Kiệt
Người lập biểu

Nguyễn Trần Tuyên
Kế toán trưởng

Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20,1	1.585.601.320.567	1.142.594.766.827	6.003.282.015.537	3.864.664.501.282
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20,1	(24.881.038.230)	(18.480.049.260)	(59.851.227.410)	(44.580.318.922)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20,1	1.560.720.282.337	1.124.114.717.567	5.943.430.788.127	3.820.084.182.360
4. Giá vốn hàng bán	11	21	(1.448.852.826.499)	(1.034.535.413.402)	(5.576.512.546.949)	(3.545.367.572.125)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.867.455.838	89.579.304.165	366.918.241.178	274.716.610.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20,2	12.611.747.012	7.174.918.460	32.404.635.435	24.486.747.082
7. Chi phí tài chính	22	22	(12.985.517.095)	(8.622.942.707)	(38.818.358.718)	(23.869.055.498)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(12.373.313.496)	(8.418.303.210)	(32.118.784.581)	(22.683.978.611)
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		589.295.874	345.372.542	818.160.641	345.372.542
9. Chi phí bán hàng	25	23	(41.241.673.949)	(48.479.993.044)	(134.549.447.963)	(127.937.141.372)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	(29.132.815.887)	(18.317.159.566)	(89.140.472.756)	(54.450.686.478)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.708.491.793	21.679.499.850	137.632.757.817	93.291.846.511
12. Thu nhập khác	31	24	635.925.107	4.561.711.915	4.234.756.877	9.442.738.094
13. Chi phí khác	32	24	(387.051.017)	(463.788.567)	(1.875.594.983)	(3.320.453.297)
14. Lợi nhuận khác	40	24	248.874.090	4.097.923.348	2.359.161.894	6.122.284.797
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.957.365.883	25.777.423.198	139.991.919.711	99.414.131.308
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(11.265.241.248)	(4.596.934.227)	(31.842.302.483)	(22.094.876.485)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.031.316.185	1.022.400.000	1.031.316.185	1.022.400.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.723.440.820	22.202.888.971	109.180.933.413	78.341.654.823
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.303.006.229	22.400.211.676	110.578.876.269	79.171.402.939
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(579.565.409)	(197.322.705)	(1.397.942.856)	(829.748.116)
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70		796	552	2.724	1.950



Huỳnh Tuấn Kiệt
 Người lập biểu



Nguyễn Trần Tuyên
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ
 ngày 18 tháng 01 năm 2019

Đoàn Hồng Việt
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		139.991.919.711	99.414.131.308
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.886.370.550	4.639.902.878
- Các khoản dự phòng	03		9.932.606.043	13.220.721.931
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(120.497.819)	(527.318.304)
- Chi phí lãi vay	06		32.118.784.581	22.683.978.611
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		186.809.183.066	139.431.416.424
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(155.919.457.566)	(109.890.283.958)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(434.262.369.519)	(150.998.393.212)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		331.762.001.845	(69.573.773.914)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.603.791.125)	(4.014.242.334)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.640.134.773)	(22.683.978.611)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.142.880.766)	(13.297.094.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(136.997.448.838)	(231.026.350.160)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.587.457.724)	(531.360.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(284.750.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.900.000.000
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.553.250.000)	(11.345.841.270)
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		120.497.819	527.318.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.294.959.905)	(6.449.882.966)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	10.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.393.407.368.615	2.824.130.661.577
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.177.467.680.861)	(2.567.660.275.110)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.480.222.400)	(27.720.194.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	183.459.465.354	238.750.191.867
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	37.167.056.611	1.273.958.741
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5 34.097.098.070	32.823.139.329
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5 71.264.154.681	34.097.098.070

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2019


 Huỳnh Tuấn Kiệt
 Người lập biểu


 Nguyễn Trần Tuyên
 Kế toán trưởng



 Đoàn Hồng Việt
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 524 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 486).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Đầu tư</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100
(3) Công ty TNHH M360.VN	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	Trước hoạt động	100
(4) Công ty TNHH CSV Healthcare	Gián tiếp	Mua bán thực phẩm chức năng	Trước hoạt động	80
(5) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	79.8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	626.287.657	465.677.352
Tiền gửi ngân hàng	70.637.867.024	33.631.420.718
TỔNG CỘNG	71.264.154.681	34.097.098.070

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động	208.195.431.744	99.788.699.006
Các khoản phải thu khách hàng khác	337.391.080.555	273.598.115.438
TỔNG CỘNG	545.586.512.299	373.386.814.444

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TNS MOBILE OY	20.729.053.433	-
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	8.333.333.333	10.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	10.428.842.298	79.341.664.729
TỔNG CỘNG	39.491.229.064	89.341.664.729

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	234.273.584	527.438.855
DRAGON TECHNOLOGY DISTRIBUTION PTE.LTD	32.874.099.492	32.874.099.492
Khác	9.049.472.025	6.069.686.587
	42.157.845.101	39.471.224.934
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	4.119.781.706	2.339.780.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa	1.086.742.348.896	692.530.709.466
Hàng gửi đi bán	6.635.782.628	9.314.160.247
Hàng mua đang đi đường	226.964.676.073	184.219.174.247
Nguyên liệu, vật liệu	-	185.347.325
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	593.071.886	424.118.679
TỔNG CỘNG	1.320.935.879.483	886.673.509.964
Dự phòng HTK	(7.240.580.923)	(3.638.204.574)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.313.695.298.560	883.035.305.390

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	7.893.828.992	2.645.152.763
Công cụ, dụng cụ	643.930.439	660.691.537
	8.537.759.431	3.305.844.300
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	351.945.801	-
Khác	524.339.541	504.409.348
	876.285.342	504.409.348

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09-DN/HIN

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	21.183.180.735	2.145.916.525	21.801.104.571	6.111.691.664	51.241.893.495
Mua sắm	-	2.249.096.364	-	-	2.249.096.364
Phân loại lại	1.327.316.704	137.700.000	965.167.730	(3.318.316.326)	(888.131.892)
Thanh lý	-	(68.572.000)	(694.190.884)	-	(762.762.884)
Số cuối kỳ	22.510.497.439	4.464.140.889	22.072.081.417	2.793.375.338	51.840.095.083
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>					
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(7.095.266.509)	(1.479.079.142)	(12.863.308.363)	(3.292.838.743)	(24.730.492.757)
Thanh lý	-	68.572.000	694.190.884	-	762.762.884
Phân loại lại	(206.471.488)	(101.283.326)	(855.974.539)	508.413.404	(655.315.949)
Khấu hao trong năm	(942.092.880)	(516.114.295)	(3.045.814.940)	(8.950.000)	(4.512.972.115)
Số cuối kỳ	(8.243.830.877)	(2.027.904.763)	(16.070.906.958)	(2.793.375.338)	(29.136.017.937)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	14.087.914.226	666.837.383	8.937.796.208	2.818.852.921	26.511.400.738
Số cuối kỳ	14.266.666.562	2.436.236.126	6.001.174.459	-	22.704.077.146

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	1.959.622.898	57.081.360.000	59.040.982.898
Mua sắm	3.338.361.360	-	3.338.361.360
Phân loại lại	26.122.200	1.543.447.842	1.569.570.042
Số cuối kỳ	5.324.106.458	58.624.807.842	63.948.914.300
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(1.858.944.601)	-	(1.858.944.601)
Phân loại lại	(26.122.200)	-	(26.122.200)
Khấu hao trong năm	(373.398.435)	-	(373.398.435)
Số cuối kỳ	(2.258.465.236)	-	(2.258.465.236)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	100.678.297	57.081.360.000	57.182.038.297
Số cuối kỳ	3.065.641.222	58.624.807.842	61.690.449.064

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Tỷ lệ %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ %	Giá trị đầu tư VND	
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49,1	2.945.750.000	-	-
Công Ty Cổ Phần DIGI-INFOFABRICA	45	607.500.000	-	-
		3.553.250.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

*Lợi thế thương mại từ
 mua lại Công ty C.L*

Nguyên giá	
Số đầu kỳ	5.752.799.715
Tăng trong năm	-
Số cuối kỳ	<u>5.752.799.715</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu kỳ	(287.639.986)
Phân bổ trong năm	(575.279.972)
Số cuối kỳ	<u>(862.919.958)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	<u>5.465.159.729</u>
Số cuối kỳ	<u>4.889.879.757</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**14.1 Phải trả người bán**

VND

Số cuối kỳ Số đầu năm

Asus Global Pte. Ltd.	160.872.609.930	60.691.530.673
Acer Incorporated	69.340.043.677	-
Dell Global B.V (Singapore Branch)	89.084.467.500	19.260.718.750
Nhà cung cấp khác	<u>227.972.067.411</u>	<u>149.506.422.941</u>
TỔNG CỘNG	<u>547.269.188.518</u>	<u>229.458.672.364</u>

14.2 Người mua trả tiền trước

VND

Số cuối kỳ Số đầu năm

Công ty TNHH SILVRR VISION	2.609.200.358	-
Khác	<u>10.120.106.467</u>	<u>2.782.186.568</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.729.306.825</u>	<u>2.782.186.568</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VND

Số cuối kỳ Số đầu năm

Chiết khấu thương mại	5.410.910.645	3.944.893.842
Chi phí lãi vay	2.045.272.111	1.566.622.303
Chi phí hoạt động	<u>6.753.787.900</u>	<u>1.837.614.494</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.209.970.656</u>	<u>7.349.130.639</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.471.425.779	6.772.004.062
Thuế thu nhập cá nhân	460.174.768	619.961.588
Các loại thuế khác	793.337.657	127.730.437
TỔNG CỘNG	11.724.938.204	7.519.696.087

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả Bảo hiểm Xã hội, công đoàn	2.322.876.550	1.615.250.671
Phải trả khác	4.195.408.308	13.281.339.846
TỔNG CỘNG	6.518.284.858	14.896.590.517
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.081.525	152.442.962
Nhận ký quỹ, ký cược	4.948.629.427	2.448.000.000
TỔNG CỘNG	4.950.710.952	2.600.442.962

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09-DN/HN

18. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	VND
Vay ngân hàng	620.944.447.016	3.383.407.368.615	(3.173.917.680.861)	830.434.134.770	
Vay khác		10.000.000.000	(3.550.000.000)	6.450.000.000	
	620.944.447.016	3.393.407.368.615	(3.177.467.680.861)	836.884.134.770	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối kỳ	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN Tp. HCM	211.100.000.000	Từ ngày 07/02/2019 đến 20/03/2019	Từ 6,0 đến 6,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	210.152.238.774	Từ ngày 20/02/2019 đến 26/04/2019	Từ 5,7 đến 6,8	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho trị giá 6 triệu USD
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	97.142.954.999	15/03/2019	5,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP.HCM	97.631.246.037	Từ ngày 22/03/2019 đến 29/03/2019	5,9	Không tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cộng Hòa	5.316.045.426	Từ ngày 26/01/2019 đến 26/06/2019	Từ 8 đến 9	Một phần tài sản cố định và quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09-DN/HN

18. VAY (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngày đến hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>VND Hình thức bảo đảm</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	109.091.649.534	Từ ngày 08/03/2019 đến 05/04/2019	6,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	100.000.000.000	Từ ngày 16/04/2019 đến 22/04/2019	6,7	Không tài sản thế chấp
TỔNG CỘNG	830.434.134.770			
Chi tiết các khoản vay khác được trình bày như sau:				
Vay cá nhân	6.450.000.000	Đến tháng 7 năm 2019	6	Không tài sản thế chấp
TỔNG CỘNG	836.884.134.770			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	176.700.278.903	629.578.573.153
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	79.171.402.939	79.171.402.939
Thay đổi từ tăng sở hữu công ty con	-	-	-	-	(3.929.263.030)	(3.929.263.030)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.720.194.600)	(27.720.194.600)
Phát hành cổ phiếu ESOP	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
Phát hành cổ phiếu thường	91.384.180.000	(91.384.180.000)	-	-	-	-
Số cuối năm	407.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	224.222.224.212	687.100.518.462
Năm nay						
Số đầu năm	407.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	224.222.224.212	687.100.518.462
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(32.480.222.400)	(32.480.222.400)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	110.578.876.269	110.578.876.269
Số cuối kỳ	407.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	302.320.878.081	765.199.172.331

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	40.751.747	39.751.747
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	40.751.747	39.751.747
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.751.747	39.751.747
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	40.600.278	39.600.278
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.600.278	39.600.278

20. DOANH THU**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	6.003.282.015.537	3.864.664.501.282
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.003.282.015.537	3.864.664.501.282
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại	(59.851.227.410)	(44.580.318.922)
DOANH THU THUẦN	5.943.430.788.127	3.820.084.182.360

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	120.497.819	527.318.304
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.545.771.974	4.697.038.830
Chiết khấu thanh toán được hưởng	25.490.216.366	18.881.816.042
Khác	248.149.276	380.573.906
TỔNG CỘNG	32.404.635.435	24.486.747.082

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
Giá vốn của hàng hóa bán và dịch vụ cung cấp	5.576.512.546.949	3.545.367.572.125
TỔNG CỘNG	5.576.512.546.949	3.545.367.572.125

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
Chi phí lãi vay	32.118.784.581	22.683.978.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.317.202.132	688.469.289
Khác	382.372.005	496.607.598
TỔNG CỘNG	38.818.358.718	23.869.055.498

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
<i>Chi phí bán hàng</i>	134.549.447.963	127.937.141.372
Chi phí nhân viên	64.946.498.287	52.146.836.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.448.337.274	15.949.528.598
Chi phí bằng tiền khác	43.154.612.402	59.840.776.706
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	89.140.472.756	54.450.686.478
Chi phí nhân viên	40.222.417.035	28.121.696.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.765.864.200	11.519.205.519
Chi phí bằng tiền khác	29.152.191.521	14.809.784.410
TỔNG CỘNG	223.689.920.719	182.387.827.850

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	4.234.756.877	9.442.738.094
Thu nhập khác	4.234.756.877	9.442.738.094
Chi phí khác	1.875.594.983	3.320.453.297
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	1.546.197.699	1.546.197.699
Tiền phạt thuế và phạt khác	-	1.248.271.485
Các khoản chi phí khác	329.397.284	525.984.113
LỢI NHUẬN THUẦN	2.359.161.894	6.122.284.797

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng	5.576.512.546.949	3.545.367.572.125
Chi phí nhân công	105.168.915.322	80.268.532.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.886.370.550	3.538.137.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.214.201.474	27.468.734.117
Chi phí bằng tiền khác	67.420.433.373	71.112.423.264
	5.800.202.467.668	3.727.755.399.975

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	139.991.919.711	99.414.131.308
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	27.998.383.942	19.882.826.262
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	469.318.806	309.239.540
Lỗi tính thuế từ công ty con	1.059.626.332	157.462.528
Doanh thu chưa thực hiện	-	1.022.400.000
Khác	2.314.973.403	722.948.155
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.842.302.483	22.094.876.485

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
Lương và thưởng	<u>531.060.000</u>	<u>1.484.004.676</u>

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	110.578.876.269	79.171.402.939
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	40.600.278	40.600.278
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	2.724	1.950

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ này và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Dưới 1 năm	6.948.000.000	1.306.352.364
Từ 1 đến 5 năm	<u>3.216.000.000</u>	<u>4.350.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.164.000.000</u>	<u>5.656.352.364</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Huỳnh Tuấn Kiệt
Người lập biểu



Nguyễn Trần Tuyên
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc